

Số: /2024/TT-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước và Nghị định số / /NĐ-CP
ngày tháng năm quy định chi tiết một số điều Luật Căn cước

Căn cứ Luật Căn cước ngày tháng năm ;

Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước và Nghị định số /2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin người dân trong Cơ sở dữ liệu Căn cước; quy định cụ thể về quy cách, ngôn ngữ khác, hình dáng, kích thước, chất liệu của thẻ căn cước, thông tin được lưu trữ trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa và nội dung thể hiện trên thẻ căn cước đối với thông tin về nơi cư trú và trường hợp người không có hoặc không thu nhận đầy đủ thông tin; quy định những trường hợp thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an cấp Căn cước; yêu cầu kỹ thuật của thiết bị, phần mềm để khai thác thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNeID, trang thông tin định danh điện tử, thẻ căn cước; quy định về việc cấp, xác lập lại số định danh cá nhân; việc cấp, quản lý tài khoản định danh điện tử, xác thực điện tử; việc sao lưu, phục hồi dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước; Ban hành biểu mẫu dùng trong quản lý căn cước; quy định chi tiết về quản lý tàng thư căn cước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với công dân Việt Nam; người gốc Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước.

Chương 2

THU THẬP, CẬP NHẬT, KẾT NỐI, CHIA SẺ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC

Điều 3. Thu thập, cập nhật thông tin của người dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Cán bộ cơ quan quản lý căn cước nơi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước; cấp giấy chứng nhận căn cước có trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin của người dân, người gốc Việt Nam vào Cơ sở dữ liệu căn cước qua công tác thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước; cấp giấy chứng nhận căn cước.

2. Thông tin của người dân thu thập qua công tác thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước; cấp giấy chứng nhận căn cước phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 4. Cung cấp thông tin của người dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Các trường hợp được cung cấp thông tin người dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước:

a) Công an các đơn vị, địa phương để phục vụ yêu cầu phòng, chống tội phạm và các hoạt động nghiệp vụ khác của lực lượng Công an nhân dân.

b) Cơ quan tiến hành tố tụng để phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

c) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

d) Công dân, người gốc Việt Nam được cung cấp thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

đ) Cơ quan, tổ chức và công dân không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản này có nhu cầu cung cấp thông tin của công dân, người gốc Việt Nam trong Cơ sở dữ liệu căn cước phải được công dân, người gốc Việt Nam đó đồng ý bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực.

2. Thủ tục cung cấp thông tin của người dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước:

a) Cơ quan, tổ chức có nhu cầu cung cấp thông tin của công dân, người gốc Việt Nam trong Cơ sở dữ liệu căn cước phải có văn bản đề nghị, nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi thông tin cần cung cấp, cam đoan chịu trách nhiệm trong sử dụng thông tin khi được cung cấp. Trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này phải có văn bản đồng ý có công chứng hoặc chứng thực của công dân được đề nghị cung cấp thông tin và được sự đồng ý của người có thẩm quyền.

b) Công dân, người gốc Việt Nam có nhu cầu cung cấp thông tin của mình thì có văn bản gửi trực tiếp hoặc gửi yêu cầu qua dịch vụ công trong đó yêu cầu nêu rõ mục đích, nội dung thông tin cần cung cấp; xuất trình thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị cung cấp thông tin.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu khai thác, người có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản kết quả khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

Điều 5. Thẩm quyền cho phép cung cấp, kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Trưởng Công an cấp huyện có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước (trừ thông tin về ảnh chân dung và vân tay) của người dân đang thường trú, tạm trú, khai báo thông tin về cư trú và người gốc Việt Nam trong phạm vi cấp huyện.

2. Giám đốc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước (trừ thông tin về ảnh chân dung và vân tay) của người dân đang thường trú, tạm trú, khai báo thông tin về cư trú trong phạm vi cấp tỉnh.

3. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin về người dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước trên phạm vi toàn quốc; cho phép kết nối, chia sẻ thông tin về người dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước với các cơ sở dữ liệu khác sau khi có ý kiến đồng ý của Bộ trưởng Bộ Công an.

Chương III

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUY CÁCH, NGÔN NGỮ KHÁC, HÌNH DÁNG, KÍCH THƯỚC, CHẤT LIỆU CỦA THẺ CĂN CƯỚC, THÔNG TIN ĐƯỢC LƯU TRỮ TRONG BỘ PHẬN LƯU TRỮ THÔNG TIN MÃ HÓA

Điều 6. Hình dáng, kích thước, nội dung, quy cách, ngôn ngữ khác và chất liệu thẻ căn cước

1. Hình dáng, kích thước

Thẻ căn cước hình chữ nhật chiều rộng $53,98 \text{ mm} \pm 0,12 \text{ mm}$, chiều dài $85,6 \text{ mm} \pm 0,12 \text{ mm}$, độ dày $0,76 \text{ mm} \pm 0,08 \text{ mm}$, bốn góc được cắt tròn với bán kính $r = 3,18 \text{ mm} \pm 0,3 \text{ mm}$.

2. Nội dung

a) Mặt trước thẻ căn cước gồm các thông tin sau:

- Bên trái, từ trên xuống: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đường kính 12 mm; ảnh của người được cấp thẻ căn cước cỡ 20 x 30 mm; Có giá trị đến/Date of expiry;

- Bên phải, từ trên xuống: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM; Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ CĂN CƯỚC/Citizen Identity Card; biểu tượng chip; mã QR; Số/No; Họ và tên/Full name; Ngày sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality; Quê quán/Place of origin; Nơi thường trú/Place of residence;

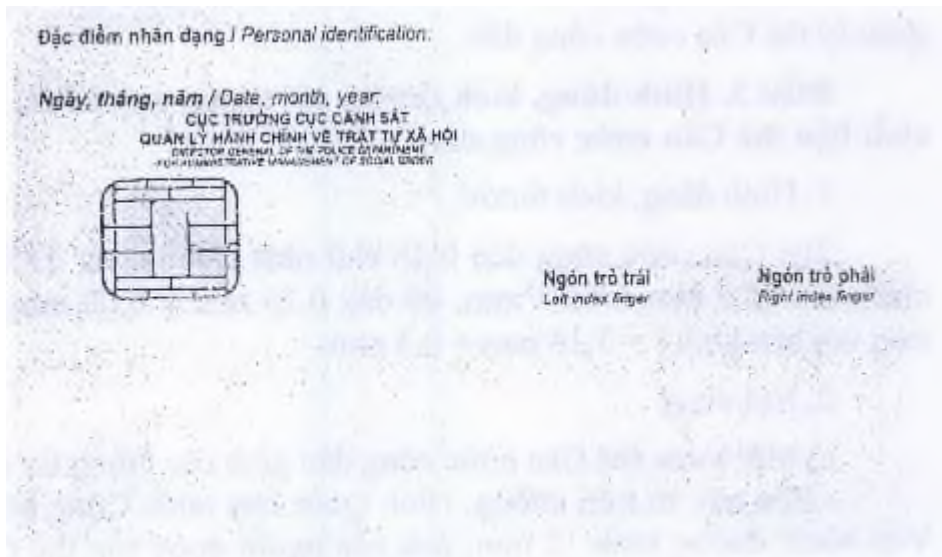


b) Mặt sau thẻ căn cước gồm các thông tin sau:

- Bên trái, từ trên xuống: Đặc điểm nhân dạng/Personal identification; Ngày, tháng, năm/Date, month, year; CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI/DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER; chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền cấp thẻ; dấu có hình Quốc huy của cơ quan cấp thẻ căn cước; chip điện tử.

- Bên phải, từ trên xuống: Có 2 ô: Vân tay ngón trỏ trái/Left index finger và Vân tay ngón trỏ phải/Right index finger của người được cấp thẻ căn cước.

- Dòng MRZ.



3. Quy cách

a) Hai mặt của thẻ căn cước in hoa văn màu xanh chuyển ở giữa màu vàng đến xanh. Nền mặt trước thẻ gồm: Bản đồ hành chính Việt Nam, trống đồng, các hoa văn họa tiết truyền thống trang trí. Nền mặt sau thẻ căn cước gồm: Các hoa văn được kết hợp với hình ảnh hoa sen và các đường cong vắt chéo đan xen;

b) Quốc huy và ảnh chân dung của người dân được in màu trực tiếp trên thẻ căn cước;

c) Màu sắc của các thông tin trên thẻ căn cước

- Dòng chữ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM; Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ “Citizen Identity Card”; biểu tượng chíp; Số/No; Họ và tên/Full name; Ngày sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality; Quê quán/Place of origin; Nơi thường trú/Place of residence; Có giá trị đến/Date of expiry; Đặc điểm nhân dạng/Personal identification; Ngày, tháng, năm/Date, month, year; CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI/DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER; Ngón trỏ trái/Left index finger; Ngón trỏ phải/Right index finger màu xanh;

- Dòng chữ “CĂN CƯỚC”; dấu có hình Quốc huy của cơ quan cấp thẻ căn cước màu đỏ;

- Số Căn cước; các thông tin của người được cấp thẻ căn cước; ngày, tháng, năm hết hạn sử dụng; ảnh vân tay ngón trỏ trái, ảnh vân tay ngón trỏ phải; thông tin về đặc điểm nhân dạng của người được cấp thẻ căn cước; ngày, tháng, năm được cấp thẻ căn cước; họ, chữ đệm và tên, chữ ký của người có thẩm quyền cấp thẻ căn cước; dòng MRZ, mã QR màu đen;

d) Chíp điện tử lưu trữ thông tin cơ bản của người dân được gắn ở mặt sau thẻ căn cước.

4. Chất liệu

Thẻ căn cước được sản xuất bằng chất liệu đã được Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt.

5. Ngôn ngữ khác trên thẻ căn cước là Tiếng Anh, là điều kiện để người dân Việt Nam sử dụng thẻ căn cước thay cho việc sử dụng hộ chiếu khi Việt Nam ký kết điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế cho phép công dân nước ký kết được sử dụng thẻ căn cước thay cho việc sử dụng hộ chiếu trên lãnh thổ của nhau.

Chương IV

BAN HÀNH BIỂU MẪU DÙNG TRONG QUẢN LÝ THẺ CĂN CƯỚC; GIẤY CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC

Điều 7. Các biểu mẫu được sử dụng trong cấp, quản lý thẻ căn cước, tàng thư căn cước và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Các biểu mẫu được sử dụng trong cấp, quản lý thẻ căn cước, tàng thư căn cước (ký hiệu là CC), bao gồm:

- a) Tờ khai căn cước (mẫu số CC01);
- b) Tờ khai giấy chứng nhận căn cước (mẫu số CC02)
- c) Phiếu thu nhận thông tin căn cước, giấy chứng nhận căn cước (mẫu số CC03);
- d) Giấy hẹn trả thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước (mẫu số CC04);
- e) Danh sách đề xuất duyệt hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại căn cước, giấy chứng nhận căn cước (mẫu số CC05);
- f) Phiếu giao nhận hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước cần tra cứu (mẫu số CC06);
- g) Đề xuất phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước; giấy chứng nhận căn cước (mẫu số CC07);
- h) Giấy chứng nhận số Chứng minh nhân dân (mẫu số CC08);
- i) Báo cáo công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước (mẫu số CC09);
- k) Phiếu điều chỉnh thông tin căn cước (mẫu số CC10);
- l) Phiếu chuyển hồ sơ căn cước (mẫu số CC11);
- m) Thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu Căn cước (CC12);

n) Thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CC13).

o) Giấy chứng nhận căn cước (CC14).

2. Các biểu mẫu được sử dụng trong thu thập, cập nhật thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (ký hiệu là DC), bao gồm:

a) Phiếu thu thập thông tin dân cư (mẫu số DC01);

b) Phiếu cập nhật thông tin dân cư (mẫu số DC02).

Điều 8. Quản lý các biểu mẫu

1. Bộ Công an thống nhất quản lý các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các biểu mẫu được in trực tiếp từ máy tính khi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước. Mẫu được in ra đã bao gồm các thông tin được trích xuất, thống kê từ Cơ sở dữ liệu căn cước theo phạm vi lưu trữ của từng đơn vị.

3. Các biểu mẫu được in trên khổ giấy 210 mm x 297 mm (A4); trong đó, mẫu CC02 định lượng 120 g/m². Mẫu CC03 và CC07 được in trên khổ giấy 148 mm x 210 mm (A5). Mẫu CC01 và mẫu CC08 được in 02 mặt. Mẫu CC11 có kích thước 250 mm x 330 mm, được in trên giấy Kraft định lượng 250 g/m².

4. Các biểu mẫu quy định tại Thông tư này được in bằng mực đen trên nền giấy trắng. Khi in không được thay đổi nội dung của biểu mẫu; Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý việc in biểu mẫu.

Điều 9. Kinh phí in, phát hành biểu mẫu

1. Kinh phí in, phát hành biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước, tàng thư căn cước và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên của Bộ Công an cấp cho Công an các đơn vị, địa phương.

2. Công an các đơn vị, địa phương lập dự trù kinh phí in, phát hành biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước, tàng thư căn cước và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 10. Yêu cầu ghi biểu mẫu

1. Ghi đầy đủ, chính xác, rõ ràng nội dung trong từng biểu mẫu, chữ viết phải cùng một loại mực.

2. Người đến làm thủ tục không biết chữ hoặc không thể tự kê khai được thì nhờ người khác kê khai hộ theo lời khai của mình. Người kê khai hộ phải ghi “Người viết hộ”, kê khai trung thực, ký, ghi rõ họ tên và chịu trách nhiệm về việc kê khai hộ đó.

3. Các cột, mục trong biểu mẫu phải được ghi theo đúng chú thích hướng dẫn trong các biểu mẫu (nếu có) và quy định tại Thông tư này. Trường hợp

thông tin ghi trong cột, mục của biểu mẫu dài thì được viết tắt nhưng phải bảo đảm rõ các thông tin cơ bản.

4. Màu mực để ghi biểu mẫu, chữ ký của người có thẩm quyền và các nội dung trong biểu mẫu chỉ được dùng màu mực xanh, tím than hoặc đen.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG VỀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC, CẤP, QUẢN LÝ THẺ CĂN CƯỚC, GIẤY CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC

Điều 11. Trách nhiệm của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

1. Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận Căn cước. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, triển khai thực hiện công tác về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; sản xuất, cấp và quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận Căn cước; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương trong việc triển khai thu thập, cập nhật, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; sản xuất, cấp và quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

3. Quản lý, khai thác, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

4. Tổ chức sản xuất, thống nhất quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; phối hợp với Cục Kế hoạch và tài chính, Cục Trang bị và kho vận, Viện Khoa học và công nghệ và các đơn vị có liên quan để bảo đảm kinh phí sản xuất, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, trang cấp vật tư, phương tiện, biểu mẫu phục vụ công tác cấp thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế trong công tác liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sơ kết, tổng kết, thống kê về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận Căn cước.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Công an

1. Cục Tổ chức cán bộ, Cục Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội đảm bảo số lượng, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận Căn cước.

2. Cục Kế hoạch và tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội bố trí kinh phí thường xuyên, đột xuất phục vụ xây dựng và duy trì hoạt động của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận Căn cước.

3. Cục Công nghệ thông tin, Viện Khoa học và công nghệ, Cục Viễn thông và cơ yếu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hướng dẫn, đảm bảo cho Công an các đơn vị, địa phương về kỹ thuật, công nghệ, bảo mật thông tin trong xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận Căn cước.

4. Cục Hậu cần, Cục Trang bị và kho vận có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hướng dẫn, đảm bảo cho Công an các đơn vị, địa phương về vật tư, trang thiết bị trong xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý Căn cước, giấy chứng nhận Căn cước.

5. Các đơn vị khác thuộc Bộ Công an căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong công tác liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận Căn cước.

Điều 13. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh

1. Trực tiếp thực hiện và tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

2. Tổ chức thu thập, cập nhật, chuẩn hóa thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo sự phân công, phân cấp của Bộ Công an.

3. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận Căn cước trong phạm vi quản lý.

4. Sơ kết, tổng kết, thống kê về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý thẻ căn cước tại địa bàn quản lý và báo cáo về Bộ Công an.

Điều 14. Trách nhiệm của Công an cấp huyện

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an cấp xã về thu thập thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Tổ chức thực hiện công tác cấp, quản lý Căn cước, giấy chứng nhận căn cước kiểm tra việc sử dụng thẻ căn cước của công dân trong địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, thống kê về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về người dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Nắm tình hình, thống kê, rà soát người đến độ tuổi được cấp Căn cước, người phải cấp giấy chứng nhận căn cước; phối hợp với Công an cấp trên trong tổ chức thu nhận hồ sơ cấp thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước tại địa bàn.

3. Tổ chức kiểm tra việc sử dụng thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước trong phạm vi địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và thay thế Thông tư số 59/2022/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021; Thông tư số 40/2019/TT-BCA ngày 01 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, C06 (TTDLDC) (Tô 3).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm